

LỜI BẠT

KHI ĐẶT BÚT VIẾT TÁC PHẨM NÀY NĂM 1982

Tưởng cũng nên ghi ra đây một kỷ niệm khó quên vào thời gian suy tư về tác phẩm này trước khi đặt bút viết buổi ban đầu tại Sài Gòn đương thời chế độ vô thần, luôn luôn bị rình rập theo dõi của bọn công an cộng sản.

Một mối đạo, muốn có giá trị hiển dương Chánh pháp thì phải được tìm hiểu qua hai phương diện mà hai quyển Vô Vi và Phổ Độ đã đề ra:

- Phương diện nội tâm làm hiện rõ giá trị tâm linh là nguồn cội tu học thực nghiệm của mối đạo ấy mà nếu thiếu đi thì giá trị của đạo cũng không có nữa.

- Phương diện ngoại giới làm môi trường diễn xuất nên đạo cho thấy diệu dụng của Vô hình qua công cuộc khai triển giáo pháp cứu độ làm tăng trưởng mức tu tiến của tín đồ.

Hai phương diện trên đây phải được xem như một phần công cuộc khai cơ giáo pháp cách thế nào cho càng có hiệu quả bao nhiêu thì công cuộc khai hóa càng có giá trị bấy nhiêu! Sự truyền bá mối đạo Cao Đài ra miền Trung Bắc Việt Nam chính là những dữ kiện lịch sử làm nổi bật đồng thời hai phương diện nêu trên không chối cãi.

Trong giai đoạn lịch sử Việt Nam từ 1926 đến 1955, ba mươi năm chuyển mình của đất nước sau ngót một thế kỷ lệ thuộc ngoại bang cũ cũng như mới phải nói là giai đoạn cực kỳ sôi sục của tình cảnh đất nước mà người dân cũng

Đông Tân

như người tín đồ đã trải qua những trạng huống đau buồn, éo le, tủi nhục nhất của lịch sử Việt Nam từ nghìn xưa đến nay!

Có thể nói theo tầm nhận định lịch sử thì đó là giai đoạn chuyển mình của đất nước Việt Nam, nhưng những tấn trò diễn biến lại không được xảy ra tại miền Nam mà phải nói là miền Trung, nơi thử thách của lịch sử đạo giáo sôi động mà trầm hùng hơn cả nếu nhìn về khía cạnh lịch sử nhân loại mà các cựu giáo đã phải trải qua.

Và lại, hai luồng tư tưởng tâm vật đã đương đầu nhau ở miền Trung là rõ rệt nhất mà lạ lùng nhất, lại điển hình cho thực trạng chung của thế giới hơn hết. Nó không pha những sắc thái nhân dục như ở miền Nam mà hoàn toàn có tính cách tâm linh làm bức thành ngăn cản những đổ vỡ do tấn trò vật chất mà khốc hại nhất là ý thức hệ tam vô cộng sản mang tính quốc tế đã tạo nên. Sức mạnh kiêu hùng ấy đã được minh chứng trong Lịch Sử Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Quyển III này.

Trong khi hai miền Nam và Trung Bắc là những nơi sinh trưởng của nền đạo, nhưng khi đi vào lịch sử dân tộc thì hai miền đã làm biến đổi sắc thái của nền đạo giáo mới khiến người ngoại quốc phải nhìn mỗi đạo với hai tư thế khác nhau:

- Tại miền Nam, do bối cảnh lịch sử là đất thuộc địa nên người dân chưa nhận biết giá trị của nền đạo, và phải tìm hiểu xuyên qua những chức sắc Thiên phong mà cũng là những người có địa vị trong xã hội đương thời như đức Ngô Minh Chiêu, cụ Lê văn Trung, cụ Nguyễn ngọc Tương...^{0.2}

- Trong khi đó thì tại hai miền Trung Bắc, người tín đồ Cao Đài dù đã phải hy sinh trong thời gian đen tối nhất của lịch sử dân tộc, hay còn chịu đựng nhiều lần át của bạo lực một cách trầm hùng, cũng phải nói là đã do sự nung đúc của Chánh pháp Cao Đài nơi nội tâm người tín đồ mà không một trường đào tạo nào ở thế gian có thể dạy cho họ những bài học Thánh Tử Đạo như thế cả.

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Quyển III này, sẽ có hai ảnh hưởng đối với hàng tín hữu Cao Đài:

- Người tín hữu miền Nam sẽ thấy mình đã góp phần đắc lực cho sự quảng truyền Chánh pháp Cao Đài qua các bậc Tiền bối, mà đạo hạnh và tài năng còn để lại nơi các chi phái không nơi nào không có sự đóng góp công lực vào sự thành hình cơ đạo miền Trung và miền Bắc như đã đề cập trước đây. Họ sẽ tự hào với sự đóng góp đó, bởi đó là nguồn khơi động năng lực cứu độ tại hai miền Trung Bắc rất xứng đáng với danh vị đàn anh trong công trình khai sơn phá thạch vun đắp cho nền tôn giáo mới.

0.2 Và một số quan chức, công chức khác cũng theo đạo.

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

- Người tín hữu hai miền Trung Bắc lại rất tự hào rằng mình là những đứa em biết noi công nghiệp của người trước mà hành hờ cho hiệu quả những gì chưa được hiện thực trên ngôn từ trước đó. Họ không còn thấy sự chia rẽ địa phương khi chính họ đã hấp thụ đồng thời và trực tiếp lãnh hội các nguồn động lực sáng tạo như đã có qua các biến động lịch sử tại đây mà cũng có thể so sánh với sự khảo đảo đã có thời sơ khai nơi các cụ giáo.

Các bạn đọc xa gần sẽ nhận chân ở quyển Lịch sử thứ III này tất cả các giá trị đạo pháp được khai thông rõ rệt:

- Nguồn đạo mạch được khai thông bằng cơ bút qua chuyển lực của Vô hình một phần từ Đông phương thể hiện qua phái Tiên Thiên mà ra, căn cơ do miền Nam truyền lại. Bạn đọc sẽ thấy rõ công lao truyền đạo tại miền Trung quả như lời Ôn Trên đã dạy ban đầu là do “*những người vô danh*” từ phái này để tránh những trở ngại nhân sự ban đầu một cách rõ rệt. Bởi thế, sự truyền bá ra Trung là một công cuộc “*phát khai chơn đạo*” mà Đức Cao Đài đã minh thị ngay từ khi chuyển lệnh cho đoàn sứ giả Tứ Linh đồng tử Long-Lân-Qui-Phụng về Trung từ năm 1934 cho đến sau này với cặp Chí Bửu - Chí Lân năm 1947, tất cả mọi vấn đề, tổ chức, giáo dục cũng do Ôn Trên mà ra. Do đó, sự chống đỡ của tín đồ trước nạn khủng bố của chế độ thực dân Pháp trước, và sau này vụ thảm sát hàng triệu tín đồ khắp nước, mà ở Quảng Ngãi đã có đến hàng vạn, của phong trào vô thần Việt gian mệnh danh là *cách mạng tháng tám* năm 1945, rồi tiếp đến sự tù đầy khổ sai và tố khổ tử hình chư Hướng đạo cùng tín hữu miền Trung sau này từ 1948 đến 1954 khi cộng sản nắm chính quyền thật đã làm nổi bật tính chất khai phóng của nền đạo mới trước bạo lực cường quyền qua hai kỳ đại khảo vẫn không chịu khuất phục.

Những bài Thánh ngôn giáo hóa tín đồ miền Trung thật là những bài học thích dụng cho tín hữu bất kỳ nơi đâu. Nó có giá trị đạo học cũng như văn học mà nền Tân giáo đã để lại một di sản tinh thần quý báu, bổ túc cho nền móng đạo pháp thời kỳ sơ khai tại miền Nam một cách rõ rệt để chứng minh giá trị bất biến của mình trước bạo lực, vốn do Tà thần dấy động làm cuộc khảo thí lớn lao để minh định lẽ chánh tà mà lịch sử các cụ giáo thế giới đã trải qua có giá trị từng địa phương còn để lại dấu tích khắp nơi trong lịch sử nhân loại, mà nếu thiếu đi thì cũng khó đem Cao Đài giáo so sánh với các cụ giáo vậy...

Trong khi đó thì tại miền Bắc, nguồn đạo được khai thông dù không thông qua sự dìu dẫn của các đấng Vô hình thì cũng do những người Hướng đạo trung kiên dám nói dám làm, trong hoàn cảnh eo hẹp của kinh tế cũng đã tạo được những nền móng để cho người sau noi theo công nghiệp đó mà tiếp tục tạo nên những công trình cho thế hệ sau này, cho dù những công nghiệp này có bị sự tàn phá của các phong trào chính trị về sau.

Cả hai luồng khai thông trên đây, nếu nhìn chung thì thật là một kỳ quan mà Đức Cao Đài muốn cho các chi phái thấy rõ lời Thánh ngôn đã dạy năm

Đông Tân

1926, trong những ngày đầu gặp nhau của các nhà Khai đạo, không có một chút biểu hiện chia rẽ nào cả:

*“Bầu Tòà thoi thối trở thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà!
Chung hiệp rần vun nền đạo đức
Bền lòng son sắt đến cùng Ta!*

Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ. Sau này các con sẽ hiểu...”

Ngài lại cũng cho chư môn đồ biết rõ nền đạo mới không như các Cựu giáo đã nâng hàng giáo phẩm lên ngôi vị phi phạm có trọn quyền tể độ chúng sanh như những Thánh Chúa thật sự khi họ còn mang xác thân phạm tục (*đây là điều cần xét nét lại bởi các kinh điển cựu giáo còn mang tính phạm tục thì hàng giáo phẩm làm sao đạt được Thánh trí?*) mà các Hướng đạo Cao Đài chỉ đóng vai người dẫn dắt và còn phải trải qua những cuộc khảo thí như bài Thánh ngôn dưới đây:

“Cao Đài. Mừng mấy con. Mấy con nghe,

Những sự phạm tục đều là mưu kế của tà mị yêu quái cốt để ngăn trở bước đường Thánh đạo của các con. Những mưu quỷ quyết ấy do lệnh Thầy dùng để thử các con. Thầy đã nói Thầy thả một lũ hổ lang ở lộn cùng các con; nó hằng thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp chúng nó chẳng hề thấy dặng là đạo đức của các con... Các con chớ ngại. Ngày nay Đạo đã khai tức là tà khởi, vậy thì các con phải hết lòng, hết sức mà gìn giữ lấy mình; đã chẳng phải giữ mình các con mà thôi, lại còn gìn giữ cả môn đệ Thầy nữa. Thầy nói cho các con hiểu trước rằng: Cả môn đệ Thầy đã lựa chọn lọc lựa còn lối nửa phần vì Thầy cho yêu quái lấy danh Thầy mà cám dỗ. Cười... Đi bao nhiêu đều mất bấy nhiêu. Các con chớ buồn vì Thiên cơ phải vậy. Thi nhiều đậu ít là lẽ hằng. Các con liệu phương thế mà nâng đỡ đức tin của môn đệ cao lên hằng ngày: ấy là công quả đều hết.”^{0.3}

Qua những lời chỉ dạy của Đức Cao Đài trên đây, ta có thể nhận định khái quát là các nhà Khai đạo buổi ban sơ cơ Phổ Độ không hoàn toàn là những nhà đạo học uyên bác nên ai cũng khó tránh khỏi mưu kế của Tà thần. Vì thế nên qua những biến động nội bộ vào những năm 1933-1934 tại Tây Ninh, với những thủ đoạn lộng quyền về tài chánh của Phạm môn lại hòa theo phần nhơn điển của Bạch Vân Động, lại bị tà điển của tên Lê-nin xúi dục, ông Phạm công Tắc đã quên mình là Hộ Pháp - để bị cách chức năm 1937 - mà ngồi cơ mạo nhận lệnh Chí Tôn để cho ra hai Đạo Nghị Định thứ 7 và 8 năm 1934 nhằm mạ lị xua đuổi các ông chức sắc lớn khác ra khỏi Tây Ninh và

0.3 Thánh Ngôn Hiệp Tuyển ngày 29 tháng 6 Bính Dần, 7 tháng 8 năm 1926.

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

gọi các chi phái là bàn môn tả đạo. Điều đó cũng có nghĩa biến cải chơn truyền đạo pháp nơi đây để ông làm chủ và tự cho mình là Giáo chủ của cả Chánh pháp Cao Đài!

Thế nên tháng 8 năm Giáp Tuất 1934, cũng là thời điểm một tháng sau việc ban hành Đạo Nghị Định số 8 tại Tây Ninh, Đức Chí Tôn đã về cơ tại Tiên Thiên ra lệnh cho Tứ Linh đồng tử cùng Giáo Sư Trần công Bang về Trung để lo “*phát khai chơn đạo*”. Điều này cho thấy nền đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh đã không còn tính dân chủ đại đồng để khai triển tại miền Nam nên cần phải có miền Trung tiếp tục công cuộc triển khai đó:

*“Trung từ đây đắp xây Chánh đạo
Nam xướng lên kế hảo đoàn viên
Kẻ thống nhất, người qui nguyên
Cơ Quan^{0.4} sắp sửa tuyên truyền vạn linh...”*

Rõ rệt nhất, đức Đông Phương Lão Tổ trong buổi đưa tiễn Tứ Linh đồng tử đã cho biết tình cảnh cơ đạo miền Trung sẽ rất khó khăn vì hai lẽ đạo đời:

*“Ngoài chính phủ tính đem hà hiếp
Trong Tây Ninh thừa dịp nghinh ngang...”*

Một Thánh ý không thể không đem lại đức tin cho chư tín hữu, đó là bài Thánh ngôn tiên tri nhiều về nội tình cơ đạo miền Trung đã là một cơ màu của Đức Cao Đài có giá trị nhiều trong mai hậu như đã được ghi lại trong tác phẩm này.

Lại nữa, năm Đinh Sửu 1937, Đức Điều Trì Kim Mẫu khi dạy về nữ phái có đề cập đến sứ mạng cơ đạo miền Trung như sau:

“Các con nên biết thời kỳ khai giáo, vì sao mà có đạo này đạo kia, song để chủ đạo nào cũng thờ Trời thờ Phật? Các con nghe Mẹ dạy: Từ tạo Thiên lập địa, phân nhơn vật, án đủ tam tài thì cái đạo vô tử nhi sanh, chừng định lệ thời kỳ mới phân Thượng nguơn, Trung nguơn, Hạ nguơn. Trong ba nguơn đó về kỳ Thượng nguơn thì nhơn vật đã thay tâm đổi tánh không ứng vận theo Lẽ Trời, lấy nhơn ý mà bày ra những sự giành giựt hơn thua, chừng đó mới có tôn giáo vì tôn giáo là một chân lý để sửa đổi. Than ôi! Thánh đạo ra đời chẳng bao lâu rồi cũng bị tay phàm đổi tính cách, rồi bày ra tôn giáo khác, kéo mãi đến nay đã hết hội kỳ ba, thế kỷ vừa 20! Các cụ giáo hỏi lại thì đạo vẫn còn song chơn truyền lạc lối. Vì vậy nên Đấng Chí Tôn hoát khai Đại Đạo, hiệp đủ cả Phật Tiên Thánh gầy nên nền Chánh giáo để chế kèm một là trình độ văn minh vật chất, hai là các giáo đồ qui phục sửa đổi.

Than ôi! Thế mà ngày khai đạo Tây Ninh một thời gian, chừng đạo phát khai rồi, chúng nó lấy phần Hậu Thiên mà đè nén Tiên Thiên làm cho mối đạo bất thành.

0.4 Cơ Quan đây chỉ Cơ Quan Truyền giáo Trung bộ sau này theo lời Thánh ngôn đã báo trước.

Đông Tân

Sau đến Trung ương Định Tường cũng chẳng ra gì. Vì vậy mới có Tiên Thiên Chơn đạo, đó là cơ chuyển đạo Trung Bắc kỳ, lấy chân lý làm chủ để cơ khai đạo...”

Cơ đạo miền Trung phát triển mạnh mẽ sau gần hai thập niên, vậy mà khi cần làm sáng tỏ ý nghĩa từ ngữ “*Chánh pháp Trung hưng*” hay “*Trung hưng Chánh pháp*” thì cơ đạo miền Trung bắt đầu đi vào thời kỳ nội khảo theo Tây Ninh vì người đồng tử đương thời là người Tây Ninh, tức Nguyễn ngọc Hòa đang tị nạn chiến tranh tại đây, mà các Hưởng đạo đã tự hào là của mình phải làm sao cho thành hình cái Chánh pháp đó. Soạn giả e rằng không khéo một ngày sẽ có sự tranh luận của tôi của anh, sự tranh luận này làm sai lệch với lời Thầy đã dạy một nền chơn đạo “*chẳng phân Nam Bắc, chẳng luận Đông Tây, nhưn nhi vô nhưn, ngã nhi vô ngã*” trong ngày ban truyền Thánh lệnh khai giáo Bắc Trung năm Giáp Tuất 1934 tại Thánh Tịnh Đại Thanh, mà đến năm Bính Tý 1936, đức Trần Hưng Đạo đã minh định lại trong sứ mạng Trung hưng của nền Tân giáo Cao Đài là trung vạn pháp, hưng vạn giáo, hòa vạn loại, để phát huy tư tưởng dung hòa tổng hợp đại đồng không còn chi phái độc tôn lãnh đạo như hiện tình miền Nam như đã nói trên. Đó là một nền Chơn đạo qui định bởi phần Tiên Thiên^{0.7} mà không để cho phần Hậu Thiên làm cho sai lạc đi. Nói thế có nghĩa là phần Chơn đạo do Đức Cao Đài ban hành cơ Phổ Độ từ năm Bính Dần phải được cơ vận chuyển Trung Bắc để triển khai lại cho đúng với chơn truyền Phổ Độ của Đấng Giáo Chủ Cao Đài, mà không bị ảnh hưởng bởi các chi phái trong Nam, nhất là Tây Ninh.

Cho nên, ta thấy rõ việc truyền đạo ra Trung Bắc dù chỉ manh nha từ các Hội Thánh cũng đã do sự dẫn dắt của Đức Cao Đài hoặc do ngả THIÊN như ở miền Trung bằng cơ bút, hoặc do ngả NHÂN ở miền Bắc, bởi các nhà truyền giáo hữu công chỉ biết hy sinh vì Đạo vì Thầy như một Giáo Sư Thượng Bảy Thanh ở Tây Ninh, hay một Phối Sư Phùng văn Thới ở Bến Tre cuối cùng cũng đều bị các Hội Thánh liên hệ giáng cấp, tức không nhìn nhận công lao khó nhọc mà còn bị trục xuất ra khỏi hàng Giáo phẩm. Tuy nhiên, nhưn sanh miền Trung Bắc dù bị bỏ rơi nhưng vẫn cố giữ được cái khí thế đạo giáo cố hữu cho dù các Hội Thánh miền Nam có biết đến hay không. Cũng thế, các người có công đầu ở miền Trung như một Thanh Long Lương vĩnh Thuật (*Quảng Nam*), hay một Huỳnh Thanh (*Bình Định*) hoặc miền Bắc như một Phạm tài Đoan (*Hà Nội*) cũng chỉ là công cụ do Vô hình chỉ dẫn, bởi nếu không có sự dẫn dắt của Đức Cao Đài thì dù tài ba đến đâu cũng chẳng làm được gì trong một bối cảnh xã hội đen tối dưới thời Pháp thuộc và tiếp đến nạn cộng sản sát máu sau này.

Một điều cần lưu ý các bạn đọc là khác hơn hai quyển Lịch sử trước đáng lẽ ra phải có, trong sách này soạn giả mới nêu lên phần bối cảnh lịch sử Việt Nam theo hai giai đoạn trước và sau thời gian khai diễn nền đạo từ Nam ra Trung Bắc

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Việt Nam, chỉ vì trong sách này mới cần có nó, còn hai quyển trước thì bối cảnh lịch sử không nằm trong phạm vi lãnh thổ quốc gia mà cho cả một đại cuộc thế giới bởi sự thích nghi của môi trường diễn xuất của nó.

Soạn giả đã phải dài dòng qua mọi khía cạnh lịch sử Việt Nam xuyên qua những giai đoạn cần chứng minh một hiện tượng đạo học không thể đóng khung trong đất nước nhỏ hẹp này, nhưng một khi nó đã được dựng nên tại đây thì chính nơi đây phải có một giá trị đạo pháp đặc biệt để suy diễn ra mà không phải nơi nào cũng có được.

Cơ Đốc giáo hiện đã được khai thông cùng thế giới, nhưng nguồn cội phát xuất là quyển Kinh Thánh, chỉ là lịch sử của một dân tộc với những sự kiện của người Do Thái mà thôi, hoặc như Phật giáo thì triều đại vua Tịnh Phạn với những uẩn khúc trong các giai cấp dân gian ở Ấn Độ vẫn là đề tài chính của sự xương minh chân truyền cứu vãn nội tình không gì khác hơn. Phải thấy rằng lịch sử Việt Nam trong lòng thế kỷ XX là một hội tụ mọi diễn biến đặc thù tàn bạo đấu tranh cuồng loạn, từ lĩnh vực quốc gia đến quốc tế với những sách lược quân phiệt mang danh chính trị đảng phái đầy sắt máu mà nhân loại mới thấy có lần đầu cái chủ nghĩa ý thức hệ tam vô thứ vật kia còn hơn nạn phát xít Đức thời nào. Và Cao Đài giáo theo những sự kiện lịch sử tháng 8 năm 1945 đã đối đầu với trò lang sói dã man không còn nhân tính theo kiểu cách mạng tháng 10 cộng sản năm 1917 tại Nga Sô đã cho thấy người tín đồ Cao Đài giáo không khuất phục trước bạo quyền mà chỉ vì phải thực thi tinh thần bao dung cho cả kẻ thù, một động lực cần thiết cho nền hòa bình nhân loại. Còn nuôi oán hờn, còn giả dối vị kỷ, còn muốn tóm thu cho mình dù trong môi trường nào thì còn chiến tranh xâu xé; còn mộng bá quyền là còn mê muội đắm chìm trong vực thẳm thế gian.

Cho nên, những sự kiện lịch sử ở Việt Nam từ ngót nửa đầu thế kỷ XX là những gì rất cần được biết trong công trình xây dựng nền đạo học ở Việt Nam trước khi ra ngoài thế giới vậy.

Đến đây, cũng cần nói rõ rằng trong hai quyển trước, soạn giả đã thanh minh lập trường của soạn giả là không đứng về bất cứ chi phái nào mà xét vấn đề, thế mà trong quyển Lịch sử thứ III này soạn giả lại kể lại công việc của chi phái đã làm, như vậy có còn giữ đúng lập trường vô tư không? Lại nữa, cái cảnh một địa phương lãnh thổ mà phải khứng chịu đủ mọi trò áp bức đầy đọa thảm sát đã bày ra trên lãnh vực quốc tế như sẽ trình bày trong sách này khi các chi phái trong Nam như kẻ bàng quan bất động thì có kẻ lẽ than van phồng có ích dụng gì?! Nhưng với tinh thần xây dựng chung cho nền đạo, soạn giả nghĩ rằng với tác phẩm này, cũng xin tạm gọi là tương đối làm xong trách nhiệm của một kẻ hậu sinh đối với các bậc Tiền bối đã xả thân hành đạo dù từ bất kỳ chi phái nào, tức ghi chép chi tiết của cơ đạo miền Trung một cách cụ thể mà truyền lại cho hậu thế.

Đồng Tân

Soạn giả xin thanh minh rằng trong quyển Lịch sử III này, những hành động của cá nhân hay tập thể trong công trình khai giáo Bắc Trung đều không đứng trên lập trường chi phái, mà đã thực hiện cho danh thể chung của nền đạo. Một bài thuyết đạo của Hội Thánh miền Trung qua cụ Nguyễn phan Long năm Mậu Dần tại Đà Nẵng là một Tuyên ngôn chung cho nền đạo, một cuộc hội kiến của Đại diện địa phận đạo Bắc kỳ, cụ Lê văn Bảy, với Toàn Quyền Brévié (*qua Đại diện Rinkeinbach*) cũng trong năm này tại Hà Nội là một sự truyền bá tín ngưỡng chung cho toàn thể người Cao Đài khắp Nam Trung Bắc... Tất cả tín đồ nhà đạo không hề đổ kỵ nhau bao giờ...

Do đó, khi một cơ cấu tổ chức đã lệch đường hướng cứu thế của Đức Cao Đài từ buổi ban sơ thì soạn giả xin không đề cập đến nữa. Sự kiện đã đến với cơ đạo miền Trung khi thay đổi nền chánh trị đạo thành ba phái bốn cơ quan nhiếp theo Tây Ninh của ông Phạm công Tắc thì nền đạo đã bị vi phạm tính dân chủ Tam quyền phân lập của ba Đài, không thể chấp nhận bất cứ một canh cải nào bởi Đức Cao Đài lập đạo chỉ nói một lời mà thôi. Quyển Lịch sử thứ III này chấm dứt khi cơ đạo miền Trung đã bị lệch theo ngã Tây Ninh rõ rệt từ 1956 mà đạo sự chỉ còn thu hẹp trong phạm vi một tỉnh Quảng Nam nên không thể là cơ đạo chung của toàn đạo miền Trung được.

Mong rằng, những gì soạn giả nói trên đây không phụ lòng bạn đọc sau khi xem hết tác phẩm này.

Viết tại Sài Gòn, thủ đô miền Nam, xuân Nhâm Tuất 1982, Đại Đạo 56.

ĐỒNG TÂN